

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 / 02 / 2019.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan** - Thẩm phán

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng**

2. Ông **Cao Trọng Mạnh**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 394/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 20/52 Nguyễn Công T, phường Vĩnh T, Rạch G, Kiên G.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc U**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 18 Nguyễn T, phường Vĩnh T, Rạch G, Kiên G

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:** Bà và ông U tự quen nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn vào năm 2002, được UBND phường Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/9/2003. Sau khi kết hôn bà Đ về sống bên gia đình chồng tại số 18 Nguyễn Trãi, phường Vĩnh Thanh, Rạch Giá, Kiên Giang.

Trong quá trình chung sống giữa bà Đ và ông U thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến. Bà và ông U đã tự dàn xếp nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018 đến nay.

Nay bà Đ yêu cầu ly hôn với ông U vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Bà Đ xác nhận có hai người con chung tên Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 2004 và Nguyễn Hồng Châu, sinh năm 2008. Bà Đ thống nhất giao cháu Ngọc và cháu Châu cho ông U được nuôi dưỡng, bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc U:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc U vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc U.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Nguyễn Ngọc U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/9/2003, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đ và ông U không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa bà Đ trình bày là do ông U không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, về đến nhà kiểm chuyện gây gổ vợ con. Bà Đ đã cho ông U nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng ông U vẫn chứng nào tật nấy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2018 đến nay vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông U đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ được ly hôn với ông U.

Về quan hệ con chung: Bà Đ xác nhận có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 2004 và Nguyễn Hồng Châu, sinh năm 2008.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đ thống nhất giao cháu Ngọc và cháu Châu cho ông U được nuôi dưỡng, yêu cầu này của bà Đ hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của hai cháu muốn sống chung với cha là Nguyễn Ngọc U nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện, ông U không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc U, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “ Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông U không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông U có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông U có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Hồng Đ đối với ông Nguyễn Ngọc U.

Tuyên bố Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc U.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Hồng Ng, sinh năm 2004 và Nguyễn Hồng Châu, sinh năm 2008 cho ông Nguyễn Ngọc U trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000344 ngày 03/12/2018 nên bà Đ không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan